HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ....Tháng....năm 2019

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO ĐIỂM THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH MÃ NGÀNH (7810103)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTUT
1	01046264	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	04/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
2	10008304	NÔNG THỊ HUYỀN TRANG	07/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
3	15005641	TRẦN HỒNG SÁNG	21/03/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
4	62002066	LÒ THỊ HỒNG THẮM	25/05/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
5	62003543	QUÀNG VĂN ĐIỀU	05/08/2001	NAM	2	C00	0.75	2
6	01046513	ĐẶNG THỊ YẾN	23/08/2000	NỮ	4	C00	0.75	2
7	17006620	BÙI TRANG NHUNG	15/03/2001	NỮ	5	C00	0.25	0
8	17010271	HÀ THỊ THU TRANG	23/07/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
9	25014727	TRẦN THỊ BÌNH	30/05/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
10	01001469	TRẦN KHÁNH LINH	24/10/2001	NỮ	2	C00	0.00	0
11	09004405	HOÀNG THÙY TRANG	11/09/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
12	25004120	TRẦN THỊ NHUNG	16/05/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
13	27003332	ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	26/05/2001	NỮ	4	C00	0.25	0
14	07000561	LÒ THỊ HẶC	18/11/2001	NỮ	4	C00	0.75	2
15	07000737	QUÀNG THỊ THUẬN	20/01/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
16	17005858	NGUYỄN TRANG NHUNG	21/02/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
17	22011908	TRẦN THỊ THẢO	02/01/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
18	27001004	NGUYỄN VĂN HẢI	12/07/2001	NAM	2	C00	0.75	0
19	29001070	LÊ THỊ THANH HUYỀN	17/07/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
20	05004863	NGUYỄN THỊ HOÀI	14/12/2001	NỮ	5	C00	0.75	2
21	08004445	LÊ THỊ NGOAN	23/03/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
22	14002656	NGUYỄN ANH DŨNG	26/11/2001	NAM	1	C00	0.75	0
23	16012113	VŨ HƯƠNG GIANG	13/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
24	22003715	ĐOÀN ANH TUẤN	21/10/2001	NAM	1	C00	0.50	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTƯT
25	28028121	TRẦN THỊ TRANG	23/11/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
26	07002055	LÙNG THỊ NHƯ	28/10/2001	NỮ	4	C00	0.75	2
27	08003284	VÀNG THỊ LÝ	21/09/1999	NỮ	1	C00	0.75	2
28	10001455	ĐẶNG THỊ NGA	04/07/2001	NỮ	5	C00	0.75	2
29	26004704	TRẦN THỊ MAI ANH	28/08/2001	NỮ	2	A00	0.50	0
30	01070174	TĂNG VIỆT ANH	20/02/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
31	21001235	NGUYỄN HẢI YẾN	02/05/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
32	24003708	NGUYỄN PHƯƠNG HÙNG	30/10/2000	NAM	3	C00	0.50	0
33	30014026	NGÔ TƯỜNG VI	16/08/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
34	01048870	PHÙNG PHƯƠNG THẢO	13/05/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
35	05004939	PHAN YẾN NHI	19/09/2001	NỮ	5	C00	0.75	2
36	06000618	BẾ NÔNG YẾN NHI	26/09/2000	NỮ	3	C00	0.75	2
37	07000623	LÒ THỊ LƯƠI	08/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
38	16006244	ĐẶNG THỊ DUNG	12/04/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
39	30003886	HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	22/04/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
40	30009264	PHẠM THỊ MỸ ANH	23/08/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
41	30009364	NGUYỄN VÕ HÀ GIANG	01/09/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
42	62003316	LÒ THỊ NHUNG	15/08/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
43	01003765	TRỊNH THỊ TRÀ MY	10/04/2001	NỮ	5	D01	0.00	0
44	01006465	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	30/06/2001	NỮ	6	C00	0.00	0
45	01019398	NGUYỄN NGỌC DUY	03/11/2001	NAM	4	C00	0.00	0
46	01056133	NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN	14/02/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
47	01056671	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	10/10/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
48	10001621	NGUYỄN THỊ THỦY	08/04/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
49	10003733	BẾ THỊ MAI	02/03/2001	NỮ	5	C00	0.75	2
50	17009906	NGÔ THỊ HẰNG	28/04/2000	NỮ	1	C00	0.25	0
51	17010042	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	10/03/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
52	27000212	LƯU NGỌC LY	17/03/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
53	28008729	LÊ THỊ PHƯỢNG	01/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
54	62003579	QUÀNG VĂN HIỀN	10/06/2001	NAM	1	C00	0.75	2
55	01045050	PHÙNG THỊ LỆ THU	08/09/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
56	03009815	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	31/07/2001	NỮ	5	C00	0.00	0
57	09007240	TRIỆU THỊ HƯƠNG GIANG	24/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
58	12000269	NÔNG BÍCH DIỆP	23/10/2001	NỮ	4	C00	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTƯT
59	17005717	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	26/05/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
60	26006562	BÙI THỊ THÙY TRANG	07/09/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
61	28014422	LÊ THỊ THẢO	10/10/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
62	28015922	DƯƠNG THỊ NGỌC	07/12/2001	NỮ	4	C00	0.50	0
63	01069564	LÊ THỊ THANH TÂM	10/11/2001	NỮ	3	A00	0.25	0
64	01009734	TRẦN THỊ HÀ MY	08/07/2001	NỮ	4	C00	0.00	0
65	01046667	CHÂU THỊ MÁY	20/02/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
66	08003096	LÝ THỊ CHUNG	01/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
67	10004515	PHÙNG THÙY DƯƠNG	24/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
68	13001086	BÙI ANH VĂN	07/10/2001	NAM	3	C00	0.75	0
69	15005375	TÔ THỊ HỒNG HẠNH	18/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
70	17005396	ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH	25/09/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
71	17006944	SẰN MÓC CHIU	09/06/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
72	21014425	TRẦN HƯƠNG THẢO NGUYÊN	03/05/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
73	24001146	NGUYỄN HUỆ LINH	13/02/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
74	24008181	TRẦN THỊ LINH	27/03/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
75	25014247	PHAN THỊ THU HIỀN	01/12/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
76	27001972	LÊ THỊ MINH KHÁNH	30/06/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
77	28004350	DƯ CÔNG DƯƠNG	23/12/2001	NAM	2	C00	0.75	0
78	40017811	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	25/06/2001	NỮ	3	D01	0.75	0
79	01044498	DOÃN HẢI YẾN	25/06/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
80	01045367	VŨ THỊ NGỌC DUNG	21/05/2001	NỮ	6	C00	0.25	0
81	13003637	PHẠM PHƯƠNG HUYỀN	08/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
82	16001869	TRƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	15/11/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
83	19005021	PHAN THỊ PHƯƠNG LINH	27/01/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
84	23005702	LƯƠNG THỊ HƯƠNG	11/04/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
85	25004606	BÙI THỊ THANH LOAN	10/02/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
86	25014847	CAO THANH HÀ	23/11/2001	NỮ	2	A00	0.50	0
87	29017801	LÊ THỊ TRANG	01/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
88	17008005	NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	24/02/2001	NỮ	9	D01	0.25	0
89	01018682	KIỀU MINH NGỌC	28/03/2001	NAM	2	D01	0.00	0
90	01007603	TRƯƠNG DIỆU LINH	08/08/2001	NỮ	3	C00	0.00	0
91	01034669	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	19/09/2001	NỮ	4	C00	0.25	0
92	01047058	KHUẤT THỊ THU THÚY	06/11/2001	NỮ	2	C00	0.25	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTƯT
93	01048827	HOÀNG THỊ THÀNH	22/08/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
94	01052247	TẢI THỊ BÌNH	24/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
95	07000644	LƯỜNG THỊ NGOAN	08/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
96	15011511	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	01/11/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
97	17003011	TRẦN THỊ THỦY	01/03/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
98	19008377	NGUYỄN HỮU HUY	26/07/2001	NAM	4	D01	0.50	0
99	29019038	PHAN VŨ ANH PHƯƠNG	07/05/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
100	17013320	TRỊNH THỊ KHÁNH LINH	21/01/2001	NỮ	1	D01	0.25	0
101	01006496	VŨ ANH PHƯƠNG	04/01/2001	NỮ	6	D01	0.00	0
102	01027056	PHẠM MỸ ANH	09/09/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
103	01048766	PHẠM NGỌC LINH	24/10/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
104	05004055	LÔ THỊ ĐÀO	15/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
105	08001050	VŨ HỒNG NGỌC	31/01/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
106	11000276	NÔNG THỊ UYÊN	26/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
107	13000470	VŨ THỊ NHẬT LỆ	28/02/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
108	14006198	NGUYỄN THỊ THU	10/02/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
109	16006871	TRẦN THỊ MƠ	06/09/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
110	17007088	SÍU THÚY KIỀU	25/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
111	17007253	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	17/04/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
112	17008872	ĐÀM THỊ HUYỀN	17/09/2001	NỮ	6	C00	0.25	0
113	17011231	ĐỖ BẢO NGÂN	02/05/2001	NỮ	4	C00	0.25	0
114	22008264	ĐẶNG THÚY LÀ	30/01/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
115	29000629	LÊ THỊ THÙY AN	20/09/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
116	29011229	PHAN THỊ QUỲNH TRANG	30/05/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
117	08003156	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	01/11/2001	NỮ	4	A00	0.75	0
118	01008827	ĐẶNG THỊ TÚ UYÊN	12/10/2001	NỮ	5	C00	0.00	0
119	01020161	NGHIÊM THU PHƯƠNG	21/09/2001	NỮ	2	C00	0.00	0
120	01048910	NGUYỄN THỊ THU	23/10/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
121	05004168	MAI THÀNH VĂN	19/09/2001	NAM	1	C00	0.75	2
122	11000111	Ô THỊ HƯƠNG	20/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
123	18008580	NGUYỄN THU TRANG	15/03/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
124	22011490	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	08/01/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
125	23001407	LƯƠNG MỸ HẠNH	10/07/2000	NỮ	2	C00	0.75	0
126	23002853	BÙI NHẬT THÚY	21/03/2001	NỮ	1	C00	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTƯT
127	23003255	BÙI THỊ QUỲNH HƯƠNG	03/06/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
128	28029779	ĐỚI THỊ THỦY	02/03/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
129	28030970	LẠI THỊ DIỄM	13/11/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
130	30012981	LƯU THỊ THÙY	26/08/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
131	38009646	NGUYỄN THỊ THU	25/11/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
132	01025930	TRẦN THỊ NGỌC HỒNG	10/06/2001	NỮ	2	D01	0.25	0
133	29022922	TRẦN THỊ HIỀN	16/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
134	01049178	NGUYỄN THỊ THẢO LY	23/11/2001	NỮ	6	D01	0.25	0
135	01036390	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	30/04/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
136	01044699	NGUYỄN THỊ OANH	29/04/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
137	01045998	HOÀNG THỊ HUYỀN	27/03/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
138	08000436	NGÔ QUỲNH TRANG	01/07/2001	NỮ	4	C00	0.75	0
139	09004983	HÀ THU PHƯƠNG	01/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
140	10005350	HOÀNG THU NGÂN	19/12/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
141	13002905	NGUYỄN THỊ THU HUẾ	19/12/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
142	13004584	PHẠM HẢI YẾN	06/07/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
143	14006132	DƯƠNG DIỄM QUỲNH	12/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
144	14009823	VÀNG THỊ SÊNH	07/02/2000	NỮ	3	C00	0.75	2
145	15011952	LƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	03/09/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
146	22008135	NGUYỄN QUANG HIỂN	12/09/2001	NAM	2	C00	0.50	0
147	24008347	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	11/01/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
148	25004458	VŨ THỊ HỒNG GẤM	14/09/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
149	25015289	NGUYỄN THỊ TRANG	20/09/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
150	28027157	NGUYỄN THỊ LAN	18/04/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
151	29001542	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	18/05/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
152	01013813	LƯU NGỌC HÀ	21/09/2001	NỮ	1	D01	0.00	0
153	01007263	TRẦN THẢO ANH	23/01/2001	NỮ	5	D01	0.00	0
154	08003887	PHÀNG THU TRANG	14/12/2001	NỮ	3	D01	0.75	2
155	28003532	CAO THỊ THÙY DƯƠNG	14/08/2001	NỮ	3	A00	0.25	0
156	01011133	NGUYỄN HỒNG NHUNG	28/10/2000	NỮ	1	C00	0.00	0
157	01071515	ĐỖ THÙY LINH	11/02/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
158	09000198	BÀN THỊ CẨM VÂN	05/01/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
159	10003319	CHU THANH NGỌC	23/05/2001	NỮ	4	C00	0.75	2
160	16011053	BẰNG THỊ TÌNH	11/11/2001	NỮ	3	D01	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTƯT
161	16012158	PHÙNG THỊ HUYỀN	29/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
162	17006959	LỤC THỊ KIM DUNG	14/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
163	17009085	VŨ THỊ TRÀ	12/11/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
164	17011021	VŨ THANH HẰNG	06/10/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
165	22011461	ĐÀO ÁNH TUYẾT	23/11/2001	NỮ	5	C00	0.50	0
166	27004950	PHẠM THỊ HÀ	28/01/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
167	27004974	VŨ THỊ HIỀN	18/01/2001	NỮ	4	C00	0.50	0
168	28011397	ĐINH THỊ ẢNH	27/12/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
169	28024629	LÊ THỊ THỦY	17/02/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
170	28029299	ĐỚI THỊ ÁNH	22/08/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
171	01001552	NGUYỄN THỊ QUỲNH PHƯƠNG	29/10/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
172	08003791	ĐỖ NHƯ QUỲNH	20/08/2001	NỮ	1	D01	0.75	0
173	26008145	HOÀNG THỊ THU HOÀI	30/12/2001	NỮ	2	D01	0.50	0
174	01001535	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	05/09/2001	NỮ	9	D01	0.00	0
175	01026283	LÊ BẢO LONG	30/03/2001	NAM	3	A00	0.25	0
176	24007778	LÃ THỊ LAN	30/10/2001	NỮ	3	D01	0.50	0
177	08004393	VÀNG TẤN KHANG	07/08/2001	NAM	2	C00	0.75	2
178	18018919	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	10/11/2001	NỮ	1	A00	0.25	0
179	01033216	NGUYỄN THANH VÂN	11/02/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
180	01042778	THÂN THU HÀ	26/12/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
181	01045488	NGUYỄN THỊ THÚY HÀ	08/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
182	01058048	NGUYỄN THỊ HỒNG	30/06/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
183	05000251	BÙI THỊ QUỲNH NGA	28/08/2000	NỮ	6	C00	0.75	0
184	05002341	TÔ THỊ THỦY	11/11/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
185	06000050	LÈN THỊ ĐẸP	04/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
186	06000633	LÊ MINH THÀNH	08/11/2001	NAM	1	C00	0.75	2
187	07000281	LÙ THỊ LAN	12/09/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
188	10001288	TRIỆU THỊ HOA	04/10/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
189	13002777	NGUYỄN VIỆT DŨNG	13/03/2001	NAM	2	C00	0.75	0
190	13005163	HÀ THU PHƯƠNG	20/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
191	14001405	VÌ THỊ DINH	25/02/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
192	14006437	TRẦN THANH MAI	10/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
193	16001645	HOÀNG THỊ THU HIỀN	01/02/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
194	19010659	ĐINH THỊ CHINH	26/09/2001	NỮ	1	C00	0.50	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTƯT
195	23003021	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	22/05/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
196	24002034	PHẠM THỊ THẢO	06/02/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
197	24008238	NGUYỄN THỊ NHUNG	26/08/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
198	28004496	LÊ THỊ LINH	08/02/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
199	29023634	NGUYỄN VĂN TÀI	26/10/2001	NAM	2	C00	0.75	0
200	38000780	NÔNG THỊ TUYẾT NHUNG	20/11/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
201	01000397	TRỊNH KIM CHI	16/11/2001	NỮ	1	D01	0.00	0
202	01047500	CẤN THỊ ANH CHI	21/10/2001	NỮ	3	A01	0.25	0
203	01058939	NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH	28/10/2001	NỮ	3	D01	0.25	0
204	01001429	NGUYỄN DIỆU LINH	26/06/2001	NỮ	3	D01	0.00	0
205	37006032	NGUYỄN GIA PHƯƠNG DUNG	04/11/2001	NỮ	3	D01	0.25	0
206	01019976	PHẠM THỊ THU HOÀI	14/10/2001	NỮ	2	C00	0.00	0
207	01042156	NGUYỄN THỊ ÁNH	09/08/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
208	01049387	PHAN THANH THƯ	10/04/2001	NỮ	3	D01	0.25	0
209	01057666	LÝ THỊ THU HÀ	29/06/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
210	01061941	TẠ THỊ HẬU	10/04/2001	NỮ	1	C00	0.25	2
211	05002231	TRIỆU THÙY LINH	12/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
212	05004458	VỪ THỊ MỶ	09/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
213	06001172	NÔNG THỊ NGÂN	11/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
214	07002103	TỐNG THỊ THU	30/11/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
215	08005056	ĐỖ THÙY TRANG	28/01/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
216	10005835	TRIỆU VĂN QUYẾT	10/04/2001	NAM	2	C00	0.75	2
217	10007739	VƯƠNG THỊ HOA	07/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
218	10007782	VƯƠNG THỊ HUỆ	07/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
219	13006090	HOÀNG THỊ DIỄM	30/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
220	17004689	HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	05/12/2000	NỮ	5	C00	0.25	0
221	17005703	ĐINH HÀ LINH	28/12/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
222	18017643	HOÀNG THỊ VINH	15/06/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
223	21016990	VŨ THỊ LIÊN HƯƠNG	26/12/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
224	22006210	LƯƠNG THỊ THÙY DƯƠNG	29/07/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
225	26011278	NGUYỄN THU PHƯƠNG	19/11/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
226	28027162	TRỊNH THỊ LAN	19/07/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
227	28032564	LÊ THỊ VÂN ANH	17/12/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
228	01011485	ĐỖ HUYỀN MY	05/09/2001	NỮ	9	D01	0.00	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTƯT
229	01021130	NGUYỄN NGUYỆT ANH	04/10/2001	NỮ	3	D01	0.00	0
230	16002512	LÊ THỊ THANH THƯƠNG	05/11/2001	NỮ	1	D01	0.50	0
231	01006662	TRẦN LÊ KHANG AN	30/10/2001	NAM	2	D01	0.00	0
232	21000360	PHẠM THỊ NGỌC	01/09/2001	NỮ	3	D01	0.50	0
233	01046794	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	09/08/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
234	01056269	NGUYỄN THỊ THANH LƯƠNG	14/09/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
235	01062416	LÊ THỊ UYÊN	20/11/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
236	17007483	HỨA VĂN KHẢI	28/08/2001	NAM	2	C00	0.25	0
237	18014716	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HUỆ	17/12/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
238	23002895	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	17/08/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
239	24006980	HOÀNG THỊ THU HIỀN	06/12/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
240	24007824	NGUYỄN THỊ MAI	25/01/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
241	25006815	TRẦN THỊ THẢO	16/03/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
242	25013152	PHẠM THỊ HÀ	16/04/2001	NỮ	5	C00	0.50	0
243	26006577	ĐINH HỮU TRIỂN	10/08/2001	NAM	4	C00	0.50	0
244	26018950	ĐÀO THỊ PHƯỢNG	25/09/2000	NỮ	2	C00	0.50	0
245	27008655	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	04/11/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
246	28029554	ĐỚI THỊ LỆ	10/12/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
247	62000017	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	30/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
248	62001598	GIÀNG THỊ DUY	23/06/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
249	18000148	LỘC THỊ HIÊN	21/09/2001	NỮ	2	D01	0.75	2
250	26018829	PHẠM THỊ LAN	27/09/2001	NỮ	1	D01	0.50	0
251	01026371	NGUYỄN NHƯ NGỌC	11/07/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
252	01043802	PHẠM THỊ TRANG	28/07/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
253	01051073	ĐỖ THỊ TÂM	08/02/2001	NỮ	5	C00	0.25	0
254	01053197	TRẦN THỊ THÚY HIỀN	19/08/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
255	01074204	LƯU VÂN LY	03/05/2001	NỮ	3	D01	0.00	0
256	03001936	NGÔ THỊ THANH TÚ	25/08/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
257	05002123	NGUYỄN THÙY DUNG	08/01/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
258	06003655	TRIỆU THANH HUYỀN	23/12/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
259	16003580	TRẦN THỊ VÂN	15/01/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
260	17011196	VŨ THỊ HƯƠNG LY	14/02/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
261	25013250	VŨ THỊ DIỆU LIÊN	09/07/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
262	27004401	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	01/06/2001	NỮ	3	C00	0.25	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTƯT
263	27006626	LÊ THỊ HOÀI	26/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
264	28016595	HÀ DUY THÁI	05/08/2001	NAM	1	C00	0.50	0
265	28021489	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	27/09/2001	NỮ	2	C00	0.50	1
266	62000570	NGUYỄN HÀ TRANG	18/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
267	01024568	PHẠM NHẬT QUANG	02/10/2001	NAM	10	D01	0.00	0
268	01006034	LÊ TƯỜNG VY	16/05/2001	NỮ	4	C00	0.00	0
269	01010150	LÊ BÍCH NGỌC	28/06/2001	NỮ	4	D01	0.00	0
270	01037942	NGÔ THỊ GIANG	14/12/2001	NỮ	1	C00	0.00	0
271	01042051	LÊ THỊ TÚ ANH	07/02/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
272	01042480	TRẦN ĐÌNH KHẢI	20/01/2001	NAM	2	C00	0.25	0
273	01043620	ĐÀM THỊ LINH	07/01/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
274	01055399	THIỀU THỊ ÁNH	28/07/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
275	07000625	LÒ THU MAY	20/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
276	10001013	LĂNG NGỌC THÚY	19/09/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
277	16001273	VI HÀ NHẬT LINH	25/09/2001	NỮ	5	C00	0.25	0
278	24003284	PHAN THANH HẰNG	29/08/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
279	27005154	LÊ THỊ THẢO	01/02/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
280	28008573	NGUYỄN THỊ LINH CHI	25/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
281	29011300	TRẦN THỊ UYÊN	02/08/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
282	29022679	TRẦN THỊ NGỌC BÉ	06/11/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
283	14001118	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	23/06/2001	NỮ	1	D01	0.75	0
284	14006478	NGUYỄN THỊ KIM NHUNG	27/03/2000	NỮ	2	D01	0.75	0
285	01006708	ĐINH PHƯƠNG ANH	02/11/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
286	01044251	TRIỆU ĐỨC NĂNG	03/09/2001	NAM	2	C00	0.75	2
287	01069449	NGUYỄN THỊ THANH MAI	30/08/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
288	05004869	HOÀNG THỊ HỒNG	12/05/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
289	06003491	ĐỖ PHƯƠNG DUNG	12/02/2000	NỮ	4	C00	0.75	0
290	09003358	QUAN THỊ ĐIỆP	01/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
291	11000157	HOÀNG MÙI MẢN	03/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
292	23001245	BÙI THỊ THẢO LINH	08/06/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
293	23005718	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	08/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
294	25008389	NGUYỄN LÊ THÙY LINH	07/12/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
295	27000627	BÙI THỊ HƯỜNG	11/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
296	29022982	TRỊNH HỒNG QUÂN	15/06/2001	NAM	2	C00	0.75	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTƯT
297	62003564	LƯỜNG THỊ HÀ	07/08/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
298	01010841	NGUYỄN TRÀ GIANG	09/01/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
299	17005272	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	13/03/2001	NỮ	5	D01	0.75	0
300	26004920	LƯU THỊ THU HUYỀN	16/10/2001	NỮ	3	D01	0.50	0
301	01015674	PHÍ NGUYỆT HƯƠNG LY	01/05/2001	NỮ	4	D01	0.00	0
302	01019524	VŨ KHÁNH HẠ	14/05/2001	NỮ	2	C00	0.00	0
303	01040982	NGUYỄN VĂN LÂM	20/10/2001	NAM	2	C00	0.75	2
304	01042848	NGUYỄN NGỌC HẰNG	10/04/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
305	01051935	TẠ VĂN TRĂM	24/11/2001	NAM	2	C00	0.25	0
306	01057225	TRẦN THỊ HẢI YẾN	30/08/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
307	01059917	LÊ THUÝ HÀ	13/03/2001	NỮ	2	A00	0.25	0
308	06003569	LỤC THỊ THU HẰNG	09/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
309	14002699	TRỊNH THU HUYỀN	06/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
310	17005377	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	19/01/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
311	17007705	NGUYỄN VÂN ANH	14/09/2001	NỮ	5	C00	0.25	0
312	17012775	TRẦN TRỌNG KHÔI	10/06/2001	NAM	3	C00	0.75	0
313	23005864	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	07/05/2000	NỮ	2	C00	0.75	0
314	25013750	PHẠM THỊ KHÁNH	28/03/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
315	28023568	CHU THỊ TRANG	07/05/2001	NỮ	4	C00	0.50	0
316	29000652	NGUYỄN HỮU TÚ ANH	04/07/2001	NAM	1	C00	0.75	0
317	30003890	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	10/08/2001	NỮ	4	C00	0.50	0
318	30009586	NGUYỄN THỊ MINH NHÀN	04/07/2001	NỮ	1	C00	0.50	0

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TS. Trần Quang Tiến